

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/DS - ST

Ngày 26 tháng 6 năm 2019

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự,
vay tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Tâm

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Tùng và bà Bùi Thị Ngọc

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa

Ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 11/2019/TLST-DS ngày 10/4/2019 về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự, vay tài sản*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐST – DS ngày 31/5/2019 giữa;

Nguyên đơn: Anh Lê Đức S, sinh năm 1982 (*có mặt*)

Chị Vũ Thị H, sinh năm: 1990 (*có mặt*)

Đều trú tại: Thôn QT1, xã XC, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1982 (*có mặt*)

Anh Hà Văn S, sinh năm: 1976 (*có mặt*)

Đều trú tại: Thôn QT1, xã XC, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/3/2019, được bổ sung trong các bản tự khai, các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Đức S, chị Vũ Thị H đều trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên anh Lê Đức S, chị Vũ Thị H có cho vợ chồng chị Lê Thị T, anh Hà Văn S vay tổng số tiền: 250.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng*) làm 3 lần. Lần 1: Ngày 03/7/2017 vay số tiền: 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*). Lần 2: Ngày 25/7/2017 vay số tiền: 190.000.000đ (*một trăm chín mươi triệu đồng*). Lần 3: Ngày 26/7/2017 vay số tiền: 40.000.000đ (*bốn mươi triệu đồng*).

Các lần vay tiền chị T đều viết giấy vay tiền, chị T và anh S đều ký vào giấy vay tiền, hai bên thống nhất lãi xuất theo thỏa thuận. Chị T hẹn khi nào anh S, chị H cần tiền thì báo trước cho vợ chồng chị T, anh S một tháng, đến đầu năm 2018 gia đình anh S, chị H cần tiền nên đã sang đòi vợ chồng chị T và anh S nhưng chị T, anh S không trả mà cứ khát hết lần này sang lần khác, còn có ý lần tránh và thách thức gia đình anh, chị. Nay anh S, chị H yêu cầu Tòa án buộc chị Thân và anh S phải trả số tiền 250.000.000đ (*hai trăm năm mươi triệu đồng*). Nay do điều kiện kinh tế gia đình chị T, anh S khó khăn nên anh S, chị H cho chị T, anh S trả dần số tiền trên chia làm 3 kỳ, mỗi kỳ 3 tháng. Kỳ 1: trả số tiền 90.000.000 đồng; Kỳ 2: trả số tiền 90.000.000 đồng; kỳ 3 trả số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất không yêu cầu.

Tại các bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn chị Lê Thị T, anh Hà Văn S đều trình bày: Do có quan hệ hàng xóm cùng thôn nên vào thời điểm tháng 7/2017 chị T và anh S có vay của anh S, chị H số tiền 250.000.000đ (*hai trăm năm mươi triệu đồng*), làm 3 lần: Lần 1: Ngày 03/7/2017 vay số tiền: 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*). Lần 2: Ngày 25/7/2017 vay số tiền: 190.000.000đ (*một trăm chín mươi triệu đồng*). Lần 3: Ngày 26/7/2017 vay số tiền: 40.000.000đ (*bốn mươi triệu đồng*), các lần vay tiền chị đều viết giấy vay tiền, chị T và anh S đều ký giấy vay tiền, lãi suất do các bên thỏa thuận, nay vợ chồng anh S, chị H yêu cầu chị và anh S trả số tiền 250.000.000đ chị T, anh S đều đồng ý, nhưng nay do điều kiện làm ăn thua lỗ, thu nhập thấp, điều kiện kinh tế khó khăn, nợ nần nhiều người nên hàng tháng chị T và anh S xin trả dần cho anh S, chị H hàng tháng số tiền 4.000.000đ cho đến khi hết số nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Đức S, chị Vũ Thị H và bị đơn chị Lê Thị T, anh Hà Văn S vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đây là vụ án Tranh chấp về hợp đồng dân sự, vay tài sản giữa nguyên đơn anh Lê Đức S, chị Vũ Thị H và bị đơn chị Lê Thị T, anh Hà Văn S đều trú tại thôn QT1, xã XC, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân theo quy định tại Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện, các bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của nguyên đơn anh Lê Đức S, chị Vũ Thị H tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định: Do có quan hệ quen biết nên anh S, chị H có cho chị T, anh S vay tổng số tiền vay: 250.000.000đ (*hai trăm năm mươi triệu đồng*), chia làm 3 lần theo các giấy vay tiền đề ngày 03/7/2017 vay số tiền: 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*). Ngày 25/7/2017 vay số tiền: 190.000.000đ (*một trăm chín mươi triệu đồng*). Ngày 26/7/2017 vay số tiền: 40.000.000đ (*bốn mươi triệu đồng*), các lần vay chị T đều viết giấy vay tiền với anh S, chị H, có chữ ký của người cho vay tiền và người vay tiền, lãi suất do hai bên thỏa thuận khi nào anh S, chị H cần tiền thì chị T, anh S phải trả cho anh S, chị H toàn bộ số tiền trên. Đến đầu năm 2018 do anh S, chị H cần tiền nên đã nhiều lần yêu cầu chị T, anh S trả nợ nhưng chị T, anh S không trả được vì do làm ăn kinh tế thua lỗ, nay anh S, chị H yêu cầu chị T, anh S phải trả cho anh S, chị H toàn bộ số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất không yêu cầu.

Thấy rằng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Căn cứ vào Điều 91 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015 khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn anh Lê Đức S, chị Vũ Thị H cung cấp là hợp lệ. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của anh S và chị H là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của anh S, chị H là phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tại phiên Tòa chị T, anh S đều trình bày khoản tiền vay của anh S, chị H là khoản nợ chung của vợ chồng chị T và anh S vay để đầu tư phát triển kinh tế gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử buộc chị T và anh S có trách nhiệm trả cho anh S và chị H số tiền 250.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp.

Về lãi suất: Anh Lê Đức S, chị Vũ Thị H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí*: Chị Lê Thị T, anh Hà Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Lê Đức S, chị Vũ Thị H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26; Khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Đức S, chị Vũ Thị H

Buộc chị Lê Thị T, anh Hà Văn S trả nợ cho anh Lê Đức S, chị Vũ Thị H số tiền là 250.000.000đ (*hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền 250.000.000đồng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. *Về án phí*:

Chị Lê Thị T, anh Hà Văn S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 12.500.000đ (*mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Lê Đức S, chị Vũ Thị H được nhận lại số tiền 6.250.000đ (*sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số 0004874 ngày 09/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Lê Đức S, chị Vũ Thị H, bị đơn chị Lê Thị T, anh Hà Văn S được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/6/2019).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 9 Luật

thi hành án. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thường Xuân;
- Phòng KTNV- THA-TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS H. Thường Xuân;
- Đường sự;
- Lưu HSVA.

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Tâm